TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1975 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lý Văn N**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H và bị đơn ông Lý Văn N cùng thống nhất xác định những nội dung được thể hiện tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai, cụ thể:*

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Lý Văn N chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống nên không thể khắc phục được và đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lý Thị Trúc Đ, sinh năm 1997 và Lý Văn B, sinh năm 2000.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H và bị đơn ông Lý Văn N thống nhất thỏa thuận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn nhau, nhưng do ông bà từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan chuyên môn nào cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không thể ghi nhận;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Hiện các con đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Lý Văn N vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Văn N vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lý Văn N theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H với ông Lý Văn N chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như ông, bà trong thời gian hai năm (từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003) nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà H và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà H có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Lý Thị Trúc Đ, sinh năm 1997 và Lý Văn B, sinh năm 2000. Hiện nay các con đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H với bị đơn ông Lý Văn N cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ngọc H với ông Lý Văn N.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà H phải chịu **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011517 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Vĩnh Thuận;
- UBND TT Vĩnh Thuận;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh